

Bản án số: 753/2023/HC-PT

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 318/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 609/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1968.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1958. Cùng địa chỉ: Ấp HT, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số 57 đường NTT, khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Tứ H – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 77 đường N, khóm 1, Phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Quốc T –
Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1958.
Địa chỉ: Ấp HT, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. *Do có kháng cáo của :* Bà Phạm Thị T - Người khởi kiện.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

1. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.
- Các thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ - Bà Trần Thị Hòa Hiệp.
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

2. Tại điểm cầu thành phần có:

- *Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp HT, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số 57 đường NTT, khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Lê Quốc T –
Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T có ông Phạm Văn C trình bày:* Vào năm 1990 ông Lâm Thế P chuyển nhượng cho ông Phạm Ngọc C 2000m² đất, đến ngày 01/3/1992 ông Phạm Ngọc C chuyển nhượng cho bà Phạm Thị T phần đất chiều ngang 7,5m; chiều dài 18m với tổng diện tích 145m² có hướng Đông giáp đất ông Lê Anh T dài 7,5m; hướng Tây giáp lộ mới thể dục thể thao dài 7,5m; hướng Nam giáp đất ông Phạm Ngọc C dài 18m; hướng Bắc giáp đất ông Lê Anh T dài 18m tọa lạc khóm 2, Phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Sau khi chuyển nhượng đất thì bà Phạm Thị T đã cất nhà ở và nộp đầy đủ các loại thuế.

Năm 1995 bà Phạm Thị T đứng tên kê khai trong sổ mục kê loại đất ở thửa 74, tờ bản đồ số 01 với diện tích 142m². Năm 2002 Ủy ban nhân dân Phường 9,

thành phố C lập sổ thuê đất ở là 112m². Năm 2009 bà Phạm Thị T đứng tên sổ mục kê tại tờ bản đồ số 85, thửa 30, diện tích 110,8m².

Ngày 07/10/2010, Ủy ban nhân dân thành phố C ra Quyết định số 704/QĐ-UBND thu hồi quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T là 90,17m² loại đất trồng lúa tại thửa số 14, tờ bản đồ số 01 (Viết tắt là Quyết định số 704). Ngày 13/10/2010, Ủy ban nhân dân thành phố C ra Thông báo số: 113/TB-HĐBT về việc bồi thường.

Ngày 05/7/2012, Ủy ban nhân dân thành phố C ra quyết định số: 223/QĐ-UBND thành phố C thu hồi quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T là 32,99m² loại đất trồng lúa tại thửa số 14, tờ bản đồ số 01 (Viết tắt là Quyết định số 223). Ngày 18/7/2012, Ủy ban nhân dân thành phố C ra Thông báo số: 302/TB-HĐBT về bồi thường (Viết tắt là Thông báo số 302). Ngày 01/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 3860/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại.

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3860; Quyết định số 704; Quyết định 223; Thông báo số 113 và Thông báo 302 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C bồi thường theo giá đất hiện hành và cấp nền tái định cư cho bà Phạm Thị T.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có ý kiến:

Việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với bà Phạm Thị T là đúng trình tự thủ tục, theo quy định hiện hành. Quá trình thu hồi đất và giao quyết định, bà Phạm Thị T đồng ý việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Bà Phạm Thị T yêu cầu nhận nền tái định cư, Ủy ban nhân dân thành phố C đã giải quyết cho bà Phạm Thị T nền tái định cư nhưng bà Phạm Thị T không đồng ý vị trí đã giao nền mà bà Phạm Thị T yêu cầu vị trí khác.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã giải quyết khiếu nại đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, 115, 116; Điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 18 Luật Khiếu nại; khoản 11 Điều 22 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định thu hồi đất số: 704/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định thu hồi đất số: 223/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Hủy Thông báo số 113/TB-HĐBT ngày 13/10/2010 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân

dân thành phố C; Hủy Thông báo số 302/TB-HĐBT ngày 18/7/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố C; yêu cầu bồi thường theo giá đất ở hiện hành và cấp tái định cư.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 29/3/2023 người khởi kiện bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định thu hồi đất số 704/QĐ-UBND Ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định thu hồi đất số: 223QĐ-UBND Ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Hủy Thông báo số 113/TB-HĐBT ngày 13/10/2010 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố C; Hủy Thông báo số 302/TB-HĐBT ngày 18/7/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố C; yêu cầu bồi thường theo giá đất ở hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phạm Văn C là người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định thu hồi đất số: 704/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Quyết định thu hồi đất số: 223QĐ-UBND Ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C; Hủy Thông báo số 113/TB-HĐBT ngày 13/10/2010 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố C; Hủy Thông báo số 302/TB-HĐBT ngày 18/7/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố C; yêu cầu bồi thường theo giá đất ở hiện hành .

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T có ý kiến: bà Phạm Thị T có cất nhà vào năm 1992, tài liệu do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau xác định là đất ở. Sau đó Ủy ban nhân dân Thành phố C thu hồi đất của bà Phạm Thị T và xác định đất trồng cây hàng năm là không đúng. Do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố C có ý kiến: Căn vào giấy chuyển nhượng đất của bà Phạm Thị T là đất trồng cây hàng năm, bà Phạm Thị T không làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm lên đất ở. Do đó khi thu hồi đất của bà Phạm Thị T được giải quyết bồi thường theo giá đất lúa và hỗ trợ 50% giá đất ở là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị T hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của bà Phạm

Thị T xét thấy bản án sơ thẩm xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị bác kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện của Phạm Thị T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính: Quyết định số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền giải quyết và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với các Quyết định số: 704/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất; Quyết định số: 223/QĐ-UBND ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất; Thông báo số 113/TB-HĐBT ngày 13/10/2010 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố C; Thông báo số 302/TB-HĐBT ngày 18/7/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố C là các quyết định có liên quan. Khi xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C cần xem xét các quyết định hành chính có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[3.1] *Về thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3.2] *Về Căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:*

Phần đất của bà Phạm Thị T có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc C vào năm 1992 diện tích 145m² loại đất trồng cây hàng năm tọa lạc tại phường 9, thành phố C.

Ngày 09/10/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quyết định số 680/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (điều chỉnh). Đến ngày 24/10/2008 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 211/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9 và Phường 1,

thành phố C. Ngày 07/10/2010 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 466/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2).

Cùng ngày 07/10/2010 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 704/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T, tại Phường 9, thành phố C, diện tích 90,17m² loại đất trồng lúa thừa 14 tờ bản đồ số 01 là đúng quy định tại Điều 38, 39 Luật đất đai năm 2003.

Ngày 13/10/2010 Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Thông báo số 113/TB-HĐBT về nội dung nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2), theo đó chi bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Phạm Thị T 90,17m² đất LUC thành tiền 95.580.000 đồng; tài sản trên đất được đền bù 87.069.640, trợ cấp 2.000.000 đồng. Tổng cộng 184.649.840 đồng. Đến ngày 03/4/2012 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố C ban hành Thông báo số 159/TB-HĐBT về nội dung nhận tiền bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2), chi hỗ trợ bổ sung cho bà Phạm Thị T số tiền thuê nhà 7.200.000 đồng.

Ngày 04/6/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 384/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung lần 1 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2).

Ngày 05/7/2012 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 223/QĐ-UBND về việc thu hồi quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T, phần đất tọa lạc tại Phường 9, thành phố C diện tích 32,99m² loại đất trồng lúa thừa 14 tờ bản đồ số 01. Ngày 18/7/2012 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Thông báo số 302/TB-HĐBT về nội dung nhận tiền (bổ sung lần 1) bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2), theo đó chi bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho bà Phạm Thị T 32,99m² đất LUC thành tiền 34.969.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003. Ngày 28/8/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Thông báo số 72/TB-UBND về nội dung nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Bà Phạm Thị T có khiếu nại yêu cầu mở rộng lộ ra hai bên và bồi thường thỏa đáng. Ngày 23/10/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 24/QĐ-UBND về việc bác yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu mở rộng lộ ra hai bên và bà bồi thường thỏa đáng.

Ngày 15/11/2012 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1696/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi quyền sử dụng đất đối với hộ bà Phạm Thị T, tại Phường 9, thành phố C. Bà Phạm Thị T khiếu nại, ngày 15/3/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 06/QĐ-UBND về việc bác yêu cầu của bà Phạm Thị T về chính sách bồi thường thuộc dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2).

Ngày 01/4/2013 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành thông báo số: 22/TB-UBND về việc cưỡng chế thu hồi quyền sử dụng đất đối với hộ bà Phạm Thị T, thuộc dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2) theo

Quyết định số: 1696/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi quyền sử dụng đất đối với hộ bà Phạm Thị T, tại Phường 9, thành phố C.

Ngày 19/12/2013 Ban quản lý dự án có Công văn số 343/QLDA về việc kết thúc chi bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C.

Ngày 10/6/2021 bà Phạm Thị T có đơn khiếu nại về chính sách bồi thường phần đất bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường ĐTH (giai đoạn 2); yêu cầu xác định loại đất bị ảnh hưởng là đất ở; yêu cầu bồi thường theo giá đất thời điểm hiện nay; yêu cầu được bố trí tại định cư tại Khu hành chính, văn hóa, thể thao và dịch vụ tỉnh.

Ngày 01/8/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 3860/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị T. Giữ nguyên các quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án đã ban hành đối với phần đất đã thu hồi của bà Phạm Thị T để thực hiện dự án xây dựng đường Đinh Tiên Hoàng (giai đoạn 2).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà Phạm Thị T, thấy rằng:

[4.1] Căn cứ quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 09/10/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C. Ngày 24/10/2008 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 211/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9 và Phường 1, thành phố C (giai đoạn 2). Ngày 07/10/2010 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 466/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2). Ngày 04/6/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số 384/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung lần 1 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2) là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 42 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 5 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[4.2] Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất đối với dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C được thực hiện theo Quyết định số: 23/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ngày 18/12/2009 về việc ban hành các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2010, theo đó giá đất ở trên địa bàn đường ĐTH là 2.000.000 đồng/m² và giá đất lúa 60.000 đồng/m².

Phần đất của hộ Phạm Thị T có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phạm Ngọc C theo đơn xin chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 01/03/1992 và được Ủy ban nhân dân Phường 9 xác nhận ngày 10/9/1993, loại đất theo đơn xin chuyển quyền là đất trồng cây hàng năm (Bút lục số 226-227). Bà Phạm Thị T chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm lên đất ở. Do đó phần đất thu hồi của bà Phạm Thị T được thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số: 466/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2) và Quyết định số: 384/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 về việc phê duyệt

phương án điều chỉnh bổ sung lần 1 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C (giai đoạn 2) là đúng quy định.

Ngoài việc bồi thường theo giá đất trồng lúa 60.000 đồng/m² bà Phạm Thị T còn được hỗ trợ 50% giá đất ở của đường ĐTH là 1.000.000 đồng/m² nên bà Phạm Thị T được nhận tiền bồi thường theo giá 1.060.000 đồng/m² là đúng quy định tại Điều 56 Luật đất đai năm 2003 và các Điều 9, 10 của Nghị định số: 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt”*. Do phần đất của bà Phạm Thị T có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 nên được thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt. Bà Phạm Thị T yêu cầu được bồi thường theo giá đất hiện nay là đúng quy định của pháp luật.

[4.3] Về yêu cầu cấp tái định cư: Tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: *“Người sử dụng đất ở khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở được bồi thường bằng giao đất ở mới, nhà ở tại khu tái định cư hoặc bồi thường bằng tiền theo đề nghị của người có đất bị thu hồi và phù hợp với thực tế ở địa phương”*. Do phần đất của bà Phạm Thị T bị thu hồi không phải đất ở nên không đủ điều kiện hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C cũng đã xem xét điều kiện thực tế và giải quyết chính sách cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nên thống nhất chủ trương bán một nền tái định cư cho hộ bà Phạm Thị T tại khu tái định cư đường Vành đai 1, hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt là có đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T yêu cầu được hoán đổi vị trí mua nền tái định cư tại Khu hành chính, văn hóa, thể thao và dịch vụ tỉnh. Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng đối với dự án xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố C không bố trí tái định cư tại Khu hành chính, văn hóa, thể thao và dịch vụ tỉnh. Vì vậy, xét yêu cầu của bà Phạm Thị T yêu cầu được mua nền tái định cư tại khu hành chính, văn hóa, thể thao và dịch vụ tỉnh là chưa có căn cứ chấp nhận.

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu xác định lại loại đất ở; yêu cầu bồi thường theo giá hiện tại; yêu cầu được bố trí tái định cư thuộc khu hành chính, văn hóa, thể thao và dịch vụ tỉnh khi thu hồi đất của bà là không có căn cứ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành quyết định số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T (lần đầu) với nội dung bác yêu cầu của bà Phạm Thị T về yêu cầu xác định đất ở; yêu cầu bồi thường theo giá hiện tại; yêu cầu được bố trí tái định cư thuộc khu hành chính, văn hóa, thể thao và dịch vụ tỉnh. Giữ nguyên các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án điều chỉnh bổ sung lần 1 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng đường ĐTH, Phường 9, thành phố

C (giai đoạn 2) của bà Phạm Thị T là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là có căn cứ.

[5] Tại cấp phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau:

Căn cứ vào các Điều 3, 30, 32, 115, 116; Điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 18 Luật Khiếu nại; khoản 11 Điều 22 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về yêu cầu hủy các Quyết định: Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3860/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T (lần đầu); Quyết định số: 704/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị T; Quyết số: 223/QĐ-UBND Ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị T; Thông báo số 113/TB-HĐBT ngày 13/10/2010 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố C; Thông báo số 302/TB-HĐBT ngày 18/7/2012 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân thành phố C.

3. Bà Phạm Thị T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí số 0000272 ngày 30/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Bà Phạm Thị T đã nộp xong.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**